

Bản án số: 05 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24/01/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hợi
2. Bà Vũ Thị Lệ

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021 về việc ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST – HNGĐ ngày 18/01/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị H, sinh năm 1988

Nơi ĐKKHKT: Xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện nay: Xóm X, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Anh Lý Văn T, sinh năm 1991

Địa chỉ : Xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/11/2021 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự trình bày như sau:

Nguyên đơn Chị Dương Thị H trình bày: Chị và Anh Lý Văn T tự nguyện kết hôn, trước khi cưới có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã N, ngày 15/5/2014. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất

đồng quan điểm sống về mọi, từ việc làm ăn, kinh tế đến trong cuộc sống sinh hoạt gia đình, chăm sóc con. Do vợ chồng tính tình không hợp nhau nên thường xuyên cãi chửi nhau. Anh T không tôn trọng chị, không có trách nhiệm với con và gia đình, khiến cho không khí gia đình luôn căng thẳng ngột ngạt, chị đã phải về bên ngoại sống, vợ chồng vẫn đã sống ly thân nhiều năm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và quan hệ hôn nhân ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Lý Văn T.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là: Lý Ngọc B, sinh ngày 29/8/2018. Hiện con còn rất nhỏ và đang sinh sống ổn định cùng chị nên khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu Anh T cấp dưỡng nuôi con cho chị mỗi tháng 1.500.000 đồng đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Hiện nay chị đang làm công nhân ở khu công nghiệp Diêm Thụy, mức lương thu nhập trung bình khoảng 7 triệu đồng một tháng, chị đang ở cùng bố mẹ để nên có sự hỗ trợ của bố mẹ để về chỗ ở và việc chăm sóc con, chị có thể đảm bảo nuôi con tốt.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Về công nợ chung: Chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là Anh Lý Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T xác nhận anh và chị H tự nguyện kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, có được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Tuy rằng vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống sinh hoạt gia đình và chăm sóc con. Anh xác định bản thân vẫn luôn tôn trọng chị H, chị H xin về bên ngoại làm việc anh cũng nhất trí cho chị H về bên ngoại. Hiện vợ chồng vẫn đang sống ly thân nhau, nhưng anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để cho con có bố, có mẹ.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Lý Ngọc B, sinh ngày 29/8/2018. Hiện con đang sinh sống cùng chị H. Trong trường hợp chị H kiên quyết xin ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh đang làm nông lâm nghiệp, trồng rừng và chăn nuôi, thu nhập khoảng 5 triệu đồng 1 tháng, anh có nhà riêng, có thể đảm bảo được cuộc sống của con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã kiên trì hòa giải, tạo điều kiện cho các đương sự có thời gian để suy nghĩ, tìm biện pháp giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, với mục đích để các đương sự đoàn tụ cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên, các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình và không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Vì vậy, Tòa án phải quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được Hội đồng xét xử thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Dương Thị H và Anh Lý Văn T kết hôn đã được Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 01/2014 ngày 15/5/2014. Vì nhiều nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, nay Chị Dương Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với Anh Lý Văn T có nơi cư trú tại Xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về quyền nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Dương Thị H và Anh Lý Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Lý do Chị Dương Thị H xin ly hôn với Anh Lý Văn T là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống chung không có hạnh phúc, Anh T không tôn trọng chị và không có trách nhiệm với con và gia đình, khiến cho không khí gia đình luôn căng thẳng ngột ngạt. Chị đã nhiều lần khuyên bảo và nhiều lần cho Anh T cơ hội nhưng Anh T không thay đổi, vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm, tình cảm vợ chồng đã hết, không thể quay về đoàn tụ tiếp tục chung sống cùng nhau. Phía Anh T xác nhận trong cuộc sống chung vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ, hiện vợ chồng đang sống ly thân nhưng anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ cho con có bố có mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và Anh T đã diễn ra trong một thời gian dài, không hòa hợp hàn gắn được. Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa chị H vẫn kiên quyết xin ly hôn, phía Anh T không nhất trí ly hôn nhưng anh cũng không đưa ra được phương án nào để thuyết phục

vợ về đoàn tụ gia đình. Bản thân Anh T cũng xác nhận hai vợ chồng sống ly thân nhau đã lâu, trong thời gian sống ly thân anh cũng đã sang động viên chị H quay về chung sống, nuôi dạy con chung nhưng chị H không nhất trí. Hiện tại vợ chồng vẫn đang sống ly thân. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã ở tình trạng trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung vợ chồng không tồn tại nên chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị H được ly hôn với Anh T là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quyền nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và quyền thăm nom con:

Tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, Chị Dương Thị H và Anh Lý Văn T không thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi con chung, quyền lợi, nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn. Cả chị H và Anh T đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu Lý Ngọc B, sinh ngày 29/8/2018. Vì vậy, cần xem xét các điều kiện như: Việc làm, thu nhập và các yếu tố khác để đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B sinh sống, học tập và phát triển bình thường.

Xét về các điều kiện: Hiện tại chị H và Anh T đều là lao động bình thường có thu nhập. Hai bên cũng đều có nơi ở rõ ràng, ổn định. Tuy nhiên, hiện nay cháu Lý Ngọc B còn quá nhỏ nên cháu rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của người mẹ. Từ khi chị H và Anh T sống ly thân cháu B sinh sống ổn định cùng mẹ và ông bà ngoại, không nên làm sáo trộn cuộc sống của cháu. Do vậy, cần giao cho Chị Dương Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lý Ngọc B, sinh ngày 29/8/2018 là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử nhận thấy: Bố mẹ đều phải có trách nhiệm, nghĩa vụ nuôi dưỡng đối với con chung chưa thành niên, nên việc chị H yêu cầu Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng là phù hợp với thực tế, mức thu nhập của Anh T và phù hợp với quy định pháp luật.

Về quyền thăm nom con: Sau khi ly hôn, Anh T là người không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết Anh Lý Văn T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3]. Về Tài sản chung: Chị Dương Thị H và Anh Lý Văn T đều xác định không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4]. Về công nợ chung: Chị Dương Thị H và Anh Lý Văn T đều xác định không có, không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn là Chị Dương Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

[4]. Thông báo quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của Chị Dương Thị H:

Về quan hệ hôn nhân: Cho Chị Dương Thị H được ly hôn Anh Lý Văn T

Về quyền nuôi con chung:

- Giao cho Chị Dương Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lý Ngọc B, sinh ngày 29/8/2018 cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lý Văn T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là cháu Lý Ngọc B, sinh ngày 29/8/2018 cho Chị Dương Thị H mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, chị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Anh Lý Văn T không tự nguyện thi hành được khoản tiền cấp dưỡng nuôi con trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi được xác định theo khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về quyền thăm nom con: Anh Lý Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết chị H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về Tài sản chung: Chị Dương Thị H và Anh Lý Văn T đều xác định không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về công nợ chung: Chị Dương Thị H và Anh Lý Văn T đều xác định không có, không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Dương Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nộp sung quỹ nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0002606 ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

3. Thông báo quyền kháng cáo: Án xét xử công khai ly hôn sơ thẩm, có mặt Nguyên đơn (Chị Dương Thị H), Bị đơn (Anh Lý Văn T), báo cho những người này biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên bản án./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thủy

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên (01 bản);
- VKS ND huyện, tỉnh (02 bản);
- T.H.A DS huyện (01 bản);
- Các đương sự trong vụ án;
- UBND xã N
- Lưu HS, VP, bộ phận;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thủy

